

Bản án số: 25/2023/DS-ST

Ngày: 07/9/2023

Về việc: “Tranh chấp hợp  
đồng dân sự vay tài sản”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐƠN DƯƠNG – TỈNH LÂM ĐỒNG**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thành Luân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Dư Công Thử.

2. Ông Vũ Văn Công.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương tham gia phiên tòa: Ông Phạm Duy Lợi – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 58/2022/TLST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2023/QĐXXST-DS ngày 17/7/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 41/2023/QĐST-DS ngày 30/8/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị N, sinh năm 1966; địa chỉ: số D, Xóm A, thôn N, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp: Ông Dương Văn V, sinh năm 1973; địa chỉ: số A, Tổ dân phố L, T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn theo văn bản ủy quyền ngày 23/3/2022, số chứng thực 113, quyền số 01-SCT/HĐ,GĐ tại UBND thị trấn D, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Bà Tạ Thị Diễm C, sinh năm 1973; địa chỉ: số B, Xóm A, thôn N, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Cao T, sinh năm 1985; địa chỉ: Số G, đường B, Phường H, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn theo văn bản ủy quyền ngày 29/3/2023, số công chứng 0765, quyền số 03/2023TP/ CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng C2, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Ông V, ông T có mặt; bà N, bà C vắng mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Do có quen biết nên năm 2018 Đỗ Thị N có huy động tiền cho bà Tạ Thị Diễm C vay nhiều lần, cụ thể: Ngày 20/01/2018 cho bà C vay 30.000.000đ; ngày 10/02/2018 cho bà C vay: 30.000.000đ; ngày 14/4/2018 cho bà C vay: 15.000.000đ; ngày 20/4/2018 cho bà C vay: 15.000.000đ. Các lần vay tiền này các bên không viết giấy mượn tiền. Đến ngày ngày 20/12/2018 bà N cho bà C vay thêm: 32.220.000đ và yêu cầu viết giấy mượn tiền trong đó có kê khai những lần vay trước. Tổng cộng các khoản nợ là 122.220.000đ, từ đó đến nay bà N nhiều lần yêu cầu bà C trả nợ nhưng bà C không trả. Do đó, bà N khởi kiện yêu cầu bà C trả 122.220.000đ, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Tạ Thị Diễm C không thừa nhận vay của bà N số tiền nói trên nên không đồng ý trả số tiền nợ gốc theo yêu cầu của nguyên đơn. Theo bà C trình bày thì trước đây bà N làm cán bộ phụ nữ xã K nên thông qua các thủ tục vay vốn bà N có chữ ký của bà C và có khả năng bà N đã sao chép chữ ký của bà vào giấy mượn tiền. Bà C khẳng định không ký giấy nợ nào với bà N, cũng không có việc bà N cho bà ký trước để bà viết nội dung sau.

Tòa án đã tiến hành hòa giải để các bên thỏa thuận giải quyết toàn bộ vụ án nhưng bà C vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Dương Văn V giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn bà Tạ Thị Diễm C trả số tiền gốc 122.220.000đ.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Lê Cao T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Tòa án xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Đỗ Thị N khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, yêu cầu bà Tạ Thị Diễm C trả số tiền 122.220.000đ. Đây là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung cần giải quyết của vụ án:

[2.1] Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ thể hiện trong năm 2018 bà Đỗ Thị N có huy động cho bà Tạ Thị Diễm C vay tiền 04 lần với tổng số tiền là 90.000.000đ, những lần vay tiền này các bên không lập thành văn bản, đến ngày 20/12/2018 bà C vay thêm 32.000.000đ và sau đó vay thêm

2.000.000đ. Theo bà N trình bày thì do bà C có nhu cầu huy động tiền làm ăn nên nhờ bà mượn từ những người khác, nay bà N đã hoàn trả toàn bộ số tiền này cho những người cho mượn nên và yêu cầu bà C phải trả lại số tiền này, đối với số tiền bà C vay lần cuối là 2.000.000đ thì bà N không tranh chấp nên tổng số tiền yêu cầu bị đơn phải trả là 122.220.000đ.

[2.2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Quá trình giải quyết vụ án bà C không thừa nhận chứng cứ do bà N cung cấp, yêu cầu Tòa án giám định chữ ký trong giấy mượn tiền ngày 20/12/2018. Tại bản kết luận giám định số: 08/KL-KTHS(TA) ngày 21/3/2022 kết luận: Chữ ký, chữ viết ghi họ tên Tạ Thị Diễm C dưới mục “Người mượn” trên tài liệu giám định so với chữ ký trên các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký và viết ra. Bà N không đồng ý với kết luận giám định và có yêu cầu trưng cầu giám định lại. Căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 102 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 29 Luật giám định tư pháp thì việc giám định lại được thực hiện trong trường hợp có căn cứ cho rằng kết luận giám định lần đầu không chính xác, có vi phạm pháp luật hoặc trong trường hợp đặc biệt theo quyết định của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao theo quy định của Luật giám định tư pháp. Vì vậy, việc bà C yêu cầu giám định lại mà không có căn cứ rõ ràng để chứng minh việc thực hiện giám định chữ ký không chính xác, không đảm bảo khách quan là không có cơ sở để Tòa án xem xét giải quyết.

Tại quyết định giải quyết khiếu nại số 03/QĐ-TA-KNT ngày 10/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương và Quyết định giải quyết khiếu nại số 47/2023/QĐ-GQKN ngày 04/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đều không chấp nhận khiếu nại của bà C về việc yêu cầu trưng cầu giám định lại chữ ký. Do đó, giấy mượn tiền giữa bà N và bà C ngày 20/12/2018 có giá trị làm chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu khởi kiện của bà N buộc bà C trả số tiền nợ gốc 122.220.000đ là có cơ sở để chấp nhận.

[3] Về án phí và chi phí tố tụng: Do yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị đơn phải nộp toàn bộ án phí tương ứng với giá trị tài sản tranh chấp và phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng trong vụ án.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 91, 92, 94, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 357; các Điều 463, 466, 468, 469 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc bị đơn bà Tạ Thị Diễm C có trách nhiệm trả cho bà Đỗ Thị N số tiền 122.220.000đ (một trăm hai mươi hai triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí và chi phí tố tụng:

Về án phí: Buộc bị đơn bà Tạ Thị Diễm C phải nộp số tiền 6.111.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Đỗ Thị N 3.055.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003865 ngày 04/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đơn Dương.

Về chi phí tố tụng: Buộc bà Tạ Thị Diễm C1 phải chịu 4.680.000đ chi phí giám định chữ ký (bà C1 đã nộp đủ).

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự: thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Đơn Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Võ Thành Luân**

